

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 127/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-9-2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Xuân Nữ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Quang Vinh;
2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Thanh Trường G - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Bùi Hồng P, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 708/D, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*2. Bị đơn:* Chị Lâm Thị Cẩm H, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

HKTT: Số nhà 708/D, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 51, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Bùi Hồng P trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bùi Hồng P và chị Lâm Thị Cẩm H kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/7/2006. Hôn nhân giữa anh chị được xây dựng trên cơ sở tự tình nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không còn hợp nhau do chị H thường đi chơi với bạn bè, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sau đó đến năm 2015

chị H dọn nhà ra ở riêng cho đến nay, cha mẹ hai bên gia đình có tìm cách hàn gắn tình cảm cho anh P và chị H nhưng không được. Vợ chồng không còn sống chung thời gian đến nay đã được 07 năm, khoảng thời gian sống xa nhau anh chị không tìm cách hàn gắn tình cảm.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên anh P yêu cầu được ly hôn với chị H.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Lâm Thông T, sinh ngày 06/01/2002 và Bùi Thị Cẩm G, sinh ngày 03/3/2004. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lâm Thị Cẩm H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị H không có văn bản ghi ý kiến về việc anh P yêu cầu ly hôn, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:* Nguyên đơn anh Bùi Hồng P đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn chị Lâm Thị Cẩm H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt không có lý do tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cần phê phán rút kinh nghiệm.

*Việc giải quyết vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Bùi Hồng P đối với chị Lâm Thị Cẩm H.

Về con chung: Anh P và chị H có 02 con chung tên Bùi Lâm Thông T, sinh ngày 06/01/2002 và Bùi Thị Cẩm G, sinh ngày 03/3/2004. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành, anh P và chị H không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Hồng P và các tài liệu,

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Bị đơn chị Lâm Thị Cẩm H có địa chỉ tại xã T và xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Bùi Hồng P và chị Lâm Thị Cẩm H là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/7/2006. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại phiên tòa, anh P kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị H vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn lại được, chị H không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh P và chị H có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt trong gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do chị H không chăm lo làm ăn để cùng anh P xây dựng hạnh phúc gia đình mà còn tham gia vui chơi, uống rượu với bạn bè, ngoài ra chị còn có lời nói xúc phạm đến cha mẹ của anh P, mặc dù anh P có khuyên ngăn nhưng chị H vẫn không thay đổi. Từ đó khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không hàn gắn lại được, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh P và chị H có 02 con chung tên Bùi Lâm Thông T, sinh ngày 06/01/2002 và Bùi Thị Cẩm G, sinh ngày 03/3/2004. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành nên anh P không yêu cầu giải quyết; đối với chị H thì chị không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị không có mặt để trình bày ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu giải quyết, chị H không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa để trình bày ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Hồng P.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Hồng P được ly hôn với chị Lâm Thị Cẩm H.
- Về con chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Bùi Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010240 ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy anh P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, huyện T, Đồng Tháp (Số ĐKKH: 59, ngày 24/7/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Xuân Nữ**